TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1105/2024/HS-PT
Ngày 27 tháng 11 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Trinh

Các Thẩm phán: Ông Hà Huy Cầu

Ông Mai Xuân Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Đức Anh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Tấn Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm Phòng xét xét trực tuyến, trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và điểm cầu thành phần – Phòng xét xử trực tuyến, trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang mở phiên tòa trực tuyến xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 854/2024/TLPT-HS ngày 19 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M; Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 93/2024/HS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1104/2024/QĐXXPT-HS ngày 12 tháng 11 năm 2024, đối với:

- *Bị cáo có kháng cáo:* Nguyễn Thị Tuyết M, sinh ngày 01/01/1985 tại huyện G, tỉnh Kiên Giang. Nơi thường trú: ấp S, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1955 và bà Lê Thị T, sinh năm 1963; có chồng là Trần Văn V1, sinh năm 1984 và 04 người con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh ngày 24/8/2023; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị tạm giữ, tạm giam: Không (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Luật sư Vũ Thanh H thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H, (có mặt).

- *Bị hại:* Bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1979; Địa chỉ: Khu phố D, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang;

(*Người bị hại không có kháng cáo, không bị kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 11/2021, Nguyễn Thị Tuyết M ngồi uống cà phê tại quán gần chợ C thuộc phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang thì nhìn thấy bàn kế bên có một nhóm người đang nói chuyện về làm giấy tờ đất đai (sổ hồng). Mơ đi qua hỏi người đàn ông, có nhận làm sổ hồng hay không, người đàn ông nói có; Mơ hỏi xin số điện thoại để tiện liên lạc, đến buổi chiều M gọi điện cho người đàn ông này và hẹn khoảng 09 đến 10 giờ ngày hôm sau gặp nhau. Qua ngày hôm sau, người đàn ông đến gặp Mơ tại phần đất của ông Trần Văn G (cha chồng Mơ) tại ấp S, xã D, thành phố P; Mơ nhìn thấy trên ngực đeo bản tên Lê Văn P (Mơ hỏi thì người này nói quê ở T, huyện G, tỉnh Kiên Giang), P xem đất xong kêu Mơ đưa hồ sơ đất nên Mơ về nhà lấy bản photo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Trần Văn G cha chồng Mơ (đã chết) đưa cho P và hỏi 02 vợ chồng đứng tên hay một mình Mơ đứng tên, P nói ai đứng tên cũng được. Mơ đưa bản photo giấy chứng minh nhân dân của Mơ cho P, kêu P làm sổ mang tên M và hỏi P chi phí làm sổ hồng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bao nhiêu, P nói giá 7.000.000đ, M đưa trước cho P 1.800.000đ, P hẹn 03 tháng sau giao sổ. Đến 03 tháng sau, Mơ đến Cảng B, P gặp P nhận sổ hồng giấy chứng quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 961882 mang tên Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1985, CMND: 371219390, địa chỉ thường trú: ấp S, xã D, huyện P, tỉnh Kiên Giang, Thửa đất số 09, Tờ bản đồ 39, diện tích 5.500m^2, tọa lạc ấp S, xã D, huyện P, tỉnh Kiên Giang, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K cấp ngày 06/9/2020. Mơ giao cho P số tiền 5.000.000đ theo thỏa thuận và cho thêm 500.000đ. Mơ đem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về nhà cất giữ.

Đến tháng 9/2021, do nợ nần cá nhân bên ngoài và cần tiền làm ghe biển nên M nảy sinh ý định đem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nêu trên đi cầm cố, mua bán, cụ thể như sau:

Ngày 04/9/2021, Mơ nhờ bà Ngô Thị Lệ T1 người cùng xóm giới thiệu dẫn đến Tiệm cầm đồ Mỹ Lai của bà Nguyễn Thị Mỹ L ở chợ C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang thỏa thuận cầm cố giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 961882 mang tên Nguyễn Thị

Tuyết M với số tiền 300.000.000đ, lãi suất 27.000.000đ/tháng. Bà L đồng ý và làm hợp đồng viết tay ghi Mơ cầm cố giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với số tiền 300.000.000đ, giao tiền bằng cách chuyển khoản từ tài khoản của ông Võ Văn K cho Mơ 230.000.000đ và giao tiền mặt 70.000.000đ (tổng cộng 300.000.000đ).

Do không có tiền đóng lãi và cần tiền tiêu xài cá nhân, Mơ đã vay thêm nhiều lần của bà L số tiền như sau:

- Ngày 14/9/2021, thông qua tài khoản của ông Võ Văn K bà L chuyển khoản cho M nhận 200.000.000đ.

- Ngày 15/9/2021, thông qua tài khoản của ông Võ Văn K bà L chuyển khoản cho M nhận 300.000.000đ.

- Ngày 16/9/2021, thông qua tài khoản của ông Võ Văn K bà L chuyển khoản cho M nhận số tiền 24.000.000đ.

Đến ngày 17/9/2021, Nguyễn Thị Tuyết M tiếp tục ký hợp đồng mua bán (giấy tay) một phần diện tích đất 960m^2 (ngang 12 mét, dài 80 mét) trên tổng diện tích 5.500m^2 trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang cầm cố cho bà L, với giá 3.500.000.000đ, thông qua tài khoản của ông Võ Văn K bà L chuyển khoản cho M nhận 270.000.000đ và M nhận tiền mặt từ bà L số tiền 230.000.000đ.

Tổng cộng, Nguyễn Thị Tuyết M đã nhận của bà Nguyễn Thị Mỹ L số tiền 1.324.000.000đ.

Sau đó, bà L phát hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM961882 mang tên Nguyễn Thị Tuyết M là giả, nên làm đơn tố cáo Mơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P, tỉnh Kiên Giang thì M bỏ trốn khỏi địa phương. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh K ra Thông báo truy tìm và đăng trên các phương tiện, thông tin đại chúng nhưng Mơ không đến trình diện. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh K ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can, ra lệnh bắt tạm giam và truy nã bị can đối với M. Đến ngày 07/11/2023, Mơ đến Công an xã D, thành phố P đầu thú, được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh K cho tại ngoại để điều tra do đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi.

* Tại bản kết luận giám định số 943/KL-KTHS ngày 30/9/2022 của Phòng K1 Công an tỉnh K kết luận: "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" số CM 961882 (ký hiệu A) là giả.

Tại Bản cáo trạng số: 69/CT-VKSTKG-P2 ngày 06/06/2024 của Viện kiểm sát nhân tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ*

chức; tội sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 93/2024/HS-ST ngày 09/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, đã quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M 13 (mười ba) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2. Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M 3 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 16 (mười sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bị cáo vào chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024, bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Mơ giữ nguyên kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Bản án sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" với mức hình phạt 16 năm 06 tháng tù là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Bị cáo M kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có tình tiết nào mới. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại tội danh và xem xét giảm nhẹ cho bị cáo M do bị cáo M đang nuôi con nhỏ, bị cáo có hoàn cảnh khó khan; sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, năn năn hối cải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M làm trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét tại cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên có cơ sở xác định:

Vào khoảng tháng 11/2021, biết được Lê Văn P là người làm giấy tờ đất đai nên đã liên hệ và cung cấp bản photo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Trần Văn G cha chồng Mơ (đã chết) cùng chứng minh nhân dân của M để P làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Mơ được đứng tên thửa đất số 09, tờ bản đồ 39, diện tích 5.500m^2, tọa lạc ấp S, xã D, huyện P, tỉnh Kiên Giang, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K cấp ngày 06/9/2020 với giá 7.000.000 đồng.

Sau đó, để có tiền trả nợ và tiền làm ghe biển bị cáo M đã cầm cố giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả do Mơ đứng tên thửa đất 09 nêu trên cho bà Nguyễn Thị Mỹ L để vay số tiền 300.000.000 đồng của bà L với lãi suất 27.000.000 đồng/tháng. Do không có tiền đóng lãi và cần tiền tiêu xài cá nhân nên M đã vay thêm 03 lần của bà L với số tiền 524.000.000 đồng. Đến ngày 17/9/2021, Mơ đã viết giấy tay bán cho bà L diện tích 960m^2 trên tổng diện tích 5.500m^2 trong giấy chứng nhận giả mà M đã cầm cố cho bà L với số tiền 3.500.000.000 đồng và bà L đã chuyển cho M số tiền 500.000.000 đồng. Sau đó bà L phát hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bị cáo M cầm cố cho bà L là giả thì bà L đã tố cáo bị cáo M, bị cáo M đã bỏ trốn và bị bắt theo lệnh truy nã. Tính đến ngày 17/9/2021, bị cáo M đã chiếm đoạt của bà L tổng cộng 1.324.000.000 đồng.

Với hành vi và hậu quả nêu trên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo M phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội; không những xâm phạm đến hoạt động quản lý hành chính của nhà nước về con dấu, tài liệu, giấy tờ mà còn xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và đủ năng lực nhận thức nhưng vì để có tiền trả nợ cho bản thân bị cáo đã sử dụng tài liệu giả của cơ quan nhà nước để lừa đảo chiếm đoạt số tiền đặc biệt lớn của người bị hại. Do đó, cần xử bị cáo mức án thật nghiêm để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

Xét, bị cáo T2 có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cụ thể: Sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp "Phạm tội 02 lần trở lên" nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo mức án 13 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và 03 năm 06 tháng tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức" là tương xứng với tính chất hành vi phạm tội và hậu quả do bị cáo gây ra. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[4] Từ những phân tích và nhận định nêu trên; Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự; về xử lý vật chứng không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M; Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 93/2024/HS-ST ngày 15/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

2. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M 13 (mười ba) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và 3 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 16 (mười sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M phải nộp 200.000 đồng.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Huy Cầu **Mai Xuân Thành** **Lê Thị Tuyết Trinh**

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP.Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Kiên Giang (2);
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Công an tỉnh Kiên Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- BCTN (1)
- Lưu VT (5), HS (2) 16b (Án-NPH).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Tuyết Trinh